

Bản án số: 52/2017/HS - ST
Ngày: 14/11/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Văn Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Minh
Ông Nguyễn Văn Quang

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thu Hiền - Thẩm tra viên

- Đại diện VKSND tỉnh Hà giang tham gia phiên toà: Bà Âu Như Quỳnh
- Kiểm sát viên.

Ngày 14/11/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 57/2017/HSST, ngày 05 tháng 10 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2017/HSST - QĐ ngày 01 tháng 11 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. **Vương Văn Đ** sinh năm 1993, tại Hoàng Su Phì - Hà Giang; nơi ĐKKHKT: Thôn Bản Cây, xã T, huyện H, tỉnh Hà Giang; Dân tộc: Tày; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 10/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông Vương Đức V, sinh năm: 1972 và bà Vương Thị Ph (Vàng Mề Đ) sinh năm: 1972; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt từ ngày 26/7/2017, hiện đang tạm giam tại trại tạm giam thuộc Công an tỉnh Hà Giang; có mặt.

2. **Long Thanh B** sinh năm 1994, tại Huyện HS - Hà Giang; nơi ĐKKHKT: Thôn Nà Lúng, xã Bản Ph, huyện H, tỉnh Hà Giang; Dân tộc: La Chí; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông Long Quý Th sinh năm: 1962 và bà Vàng Thị Ch sinh năm: 1962 (đều đã chết); tiền sự: Không; tiền án: Ngày 24/6/2015 bị Tòa án nhân dân huyện Hoàng Su Phì tuyên phạt 09 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản; bị bắt từ ngày 26/7/2017, hiện đang tạm giam tại trại tạm giam thuộc Công an tỉnh Hà Giang; có mặt.

- Người bào chữa cho các bị cáo: Bà **Trần Thu Huyền**, trợ giúp viên, thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Hà Giang.

- *Người bị hại:* **Hạng Quang K** sinh năm: 1970; nơi cư trú: Tổ 4, thôn Trung Trại, ủy hội thôn Côn Nảo, hương Mảnh Động, huyện MaLyPho, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc. Vắng mặt có lý do.

- *Người có quyền lợi liên quan:*

1/ Nguyễn Đình T; nơi cư trú: tổ 6, thị trấn V, huyện H, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt không có lý do.

2/ Vương Đức Vi; nơi cư trú: thôn Bản Cây, xã T, huyện H, tỉnh Hà Giang, có mặt.

- *Người làm chứng*: Lèng Seo Đ, Hoàng Văn H, Hà Văn B, Sin Đức Th. Vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 9 giờ ngày 07/02/2017, Vương Văn Đ rủ Long Thanh B sang Trung Quốc để làm thuê, B nhất trí nói với Đ rủ thêm Lèng Seo Đ cùng đi (*vì Đại biết tiếng Trung Quốc*). Trước khi đi, Đ và B bàn bạc thống nhất với nhau trên đường đi sang Trung Quốc nếu phát hiện xe máy thì sẽ trộm cắp để làm phương tiện đi lại, sau đó Đường gọi điện rủ Đại sang Trung Quốc làm thuê, Đại nhất trí và hẹn đầu giờ chiều cùng ngày thì đi. Đến khoảng 13h30 cùng ngày, Đ và B chuẩn bị quần áo và mang theo một đoạn sắt (*Một đầu dẹt, một đầu hình lục giác*) và một tuýp sắt vặn bugi xe máy để trong vỏ bao thuốc lá (*mục đích để làm dụng cụ phá khóa xe máy*), đi một xe máy BKS 23L7-0884 (*xe của ông Vương Đức V là bố đẻ của Vương Văn Đ*) đến đón Đại ở xã P, huyện H rồi cả ba người cùng đi chiếc xe máy đó theo đường liên xã P đi xã Th qua đường tiểu ngạch Mốc 227 biên giới Việt Nam - Trung Quốc để sang Trung Quốc (*Đường là người điều khiển xe*). Khi đi được khoảng 30km đến xã Pa Lèng Khái, huyện Mã Quan, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc lúc đó trời đã tối, Đ, B, Đ đến nhà một người quen của Đ tên là Ch (*người Việt Nam*) ăn cơm sau đó đi tìm việc làm, thấy có nhà đang xây dở ở gần đó cả ba người vào hỏi xin việc làm và nghỉ qua đêm tại đó. Sáng ngày 08/02/2017, thấy công việc nặng (*trát, bả tường nhà*) nên B, Đ, Đ không làm mà đi đến nhà bà Nh, thuộc xã Pa Lèng Khái, huyện Mã Quan (*là người Việt Nam, người quen của Đại*) nhờ bà Nh đi hỏi việc làm cho nhưng được bà Nh cho biết do chưa qua 15/01/2017 âm lịch nên không có ai thuê người làm, vì vậy cả ba rủ nhau quay về Việt Nam.

Trên đường về B điều khiển xe máy, Đ và Đ ngồi sau đi theo quốc lộ Mãnh Động hướng Trung Quốc - Việt Nam. Khi về cách mốc 227 khoảng 20km thì xe bị hỏng, cả ba người dừng lại nghỉ thì Đ nói với B và Đ: “*Đốt xe của anh đi và đợi trời tối đi tìm xe máy lấy trộm để đi về Việt Nam*”. Nghe vậy, Đ nói: “*Trên đường về mốc 227 có chiếc xe nào thì lấy trộm*”, nên cả ba tiếp tục đi, khi đi được khoảng 06km đến địa phận thôn Trung Trại, ủy hội thôn Côn Nảo, hương Mãnh Động, huyện Malypho, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc, Đường phát hiện bên phải đường có một chiếc xe máy, nhãn hiệu LUHAO, màu sơn đỏ; Biển kiểm soát KB661 (*xe của ông Hạng Quang Kim, sinh năm 1963, trú tại thôn Trung Trung Trại, ủy hội thôn Côn Nảo, hương Mãnh Động, huyện Malypho, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc*), không có ai trông coi, Đ bảo B dừng xe lại để lấy trộm, nhưng do xe đang trôi dốc nên B vẫn điều khiển cho xe đi tiếp khoảng 50m, là đoạn đường cua nên không nhìn thấy chiếc xe đó nữa thì dừng lại. Đ, Đ và B đi vào chiếc lán bỏ hoang cạnh đường nghỉ và Đ bảo cả ba quay lại lấy trộm chiếc xe máy vừa phát hiện đồng thời bảo B “*Lấy đồ ra cho anh*”, B lấy chiếc bao tải và ba lô của Đ buộc sau xe ra, lục túi ni lon đựng quần áo của Đ lấy ra một vỏ bao thuốc lá trong đó có một đoạn sắt một đầu dẹt và một đầu hình lục giác và một

tuýp sắt đưa cho Đ, Đ bảo B đi tìm vỏ chai không để hút xăng ở xe của Đ ra, B dắt chiếc xe cách 20m để lấy xăng, còn Đ nhặt một hòn đá cạnh đường và cho đầu hình lục giác của đoạn sắt vào lỗ trên tuýp sắt rồi dùng hòn đá đập đoạn sắt, tạo thành hình chữ T, thấy vậy Đ có hỏi Đ *“làm thế để làm gì”*, Đ trả lời *“dùng để phá khóa xe”*. Đ cầm lấy vặn thử vào cột lán, sau đó đưa lại cho Đ, khi B đi lấy xăng về, Đ bảo *“cả ba cùng quay lại lấy trộm xe”*, nhưng Đ không đi mà ở lại lán chờ còn Đ và B quay lại lấy trộm chiếc xe máy. Khi đến gần chiếc xe Đ bảo B đứng quan sát xem có ai đến thì báo để chạy trốn. Đ dùng vạm phá khóa đưa vào ổ khóa điện vặn nhưng không mở được nên dùng tay giật dây mát ở dưới ổ khóa điện sau đó đạp nổ rồi bảo B ngồi lên xe và đi đón Đ ở lán rồi cả ba đi về Việt Nam. Trên đường đi Đ nói với B và Đ *“khi về đến Việt Nam có ai hỏi về chiếc xe thì nói là xe đi làm chủ nhà không có tiền trả thì trả bằng xe máy”*, cả B và Đ đồng ý.

Về đến Việt Nam khoảng 12 giờ cùng ngày Đ, Đ và B vào nhà Đ nấu cơm ăn, sau đó cả ba thống nhất đem chiếc xe đi bán ở thị trấn V, huyện H. Khi đến thị trấn V, huyện H, Đ bảo B mang xe đi bán, B đi nhưng không bán được, thấy vậy Đ rủ Bình và Đ đến phòng trọ của Nguyễn Đình T sinh năm 1991, trú tại tổ 6, thị trấn V, huyện H, Đ hỏi T: *“Có mua xe máy không?”*, T hỏi Đ: *“xe của ai, có giấy tờ không?”*, Đ bảo *“xe của tôi, không có giấy tờ”*, T lấy xe đi thử và đồng ý mua với giá 2.500.000^d (Hai triệu năm trăm ngàn đồng) do trước đó Đ còn nợ T 2.000.000^d (Hai triệu đồng) nên T chỉ đưa cho Đ 500.000^d (Năm trăm ngàn đồng). Do nhìn thấy giá bảo vệ máy xe và giá để hàng phía sau công kênh nên Đ bảo đi tháo ra cho đẹp xe, T đồng ý. Đ, B, Đ mang chiếc xe đi đến hiệu sửa xe máy của anh Hà Văn B sinh năm 1981, trú tại tổ 6, thị trấn V, huyện H để tháo giá để hàng, giá bảo vệ máy và biển kiểm soát của xe ra, sau đó bỏ lại biển kiểm soát tại hiệu sửa chữa xe máy của anh B và mang xe cùng giá để hàng, giá bảo vệ máy quay lại giao cho T. Sau đó Đ, B và Đ đi về nhà Đ và sử dụng số tiền 500.000^d (Năm trăm ngàn đồng) vừa bán xe để mua đồ ăn về nấu cơm tối. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày Đ đi về nhà Đ còn Đ và B ngủ tại nhà Đ, đến ngày 14/02/2017 Đ và B rủ nhau trốn sang Trung Quốc lao động làm thuê. Còn Đ bị cơ quan điều tra bắt giữ và bị Viện kiểm sát truy tố về tội *“trộm cắp tài sản”*, tại bản án số 29/2017/HSST ngày 26/7/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang đã tuyên xử phạt Lềng Seo Đ 9 (chín) tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Đến ngày 26/7/2017 Đường và B trở về Việt Nam thì bị bắt theo Quyết định truy nã.

Cáo trạng số 19/KSĐT, ngày 03/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang đã truy tố các bị cáo: Vương Văn Đ, Long Thanh B về tội Trộm cắp tài sản, theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà:

- Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố các Bị cáo Vương Văn Đ, Long Thanh B, phạm tội: Trộm cắp tài sản.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm h,p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Vương Văn Đ từ 12 tháng đến 15 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 26/7/2017).

Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm g khoản 1 Điều 48, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Long Thanh B từ 15 tháng đến 18 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 26/7/2017).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội, buộc các bị cáo Vương Văn Đ, Long Thanh B phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

- Các bị cáo Vương Văn Đ, Long Thanh B khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã nêu và nhất trí với lời luận tội của Viện kiểm sát đối với các bị cáo, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt.

- Người bào chữa, có ý kiến đồng thuận với quan điểm của VKS, và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo, các bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng sâu vùng xa sự nhận thức về pháp luật còn hạn chế, quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo khai báo thành khẩn tỏ ra biết ăn năn hối cải, bị cáo Đường phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do vậy đề nghị áp dụng khoản 1 điều 138; điểm h, p khoản 1, khoản 2 điều 46; điều 47 BLHS xử phạt bị cáo Đ từ 6 tháng 9 tháng tù. Áp dụng khoản 1 điều 138; điểm p khoản 1 khoản 2 điều 46 BLHS xử phạt bị cáo B từ 10 đến 12 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng:

- Người bị hại, người có quyền lợi liên quan, người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa;

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát: Trong hồ sơ vụ án đã có lời khai của người bị hại, người có quyền lợi liên quan và người làm chứng, lời khai thống nhất không có sự mâu thuẫn trong quá trình điều tra, yêu cầu của người bị hại đã được giải quyết trong vụ án xét xử đối với Lèng Seo Đ, nên việc vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của người bào chữa nhất trí với ý kiến của Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử thảo luận và căn cứ vào các Điều 191, 192 BLTTHS quyết định xét xử vắng mặt người bị hại, người có quyền lợi liên quan và người làm chứng.

Về nội dung:

[1] Lời khai của các bị cáo Vương Văn Đ, Long Thanh B phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi liên quan, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ như: Bản ảnh hiện trường, sơ đồ hiện trường, biên bản xác định hiện trường, Biên bản tạm giữ đồ vật, Kết luận định giá tài sản, biên bản trả lại tài sản bị trộm cắp cho người bị hại. Tổng hợp các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo, người bị hại, người làm chứng là phù hợp với nhau và phù hợp với diễn biến, nội dung, thời gian, địa điểm xảy ra vụ án.

Từ các tài liệu, chứng cứ trên đã có đủ căn cứ để kết luận: Vương Văn Đ là người khởi xướng rủ Long Thanh B và Lèng Seo Đ sang Trung Quốc để tìm việc làm. Trước khi đi Đ và B bàn bạc, thống nhất trên đường đi sang Trung Quốc nếu phát hiện

có xe máy thì sẽ trộm cắp để làm phương tiện đi lại, sang Trung Quốc do không tìm được việc làm cả ba quay về Việt Nam, trên đường về thì xe máy bị hỏng, Đ nói với B và Đ “*Đốt xe của anh đi và đợi trời tối đi tìm xe máy lấy trộm để đi về Việt Nam*”. và Đ nói: “*Trên đường về mốc 227 có chiếc xe nào thì lấy trộm*”, cả ba tiếp tục đi được khoảng 06 km đến địa phận thôn Trung Trại, ủy hội thôn Côn Nảo, hương Mãnh Động, huyện Malypho, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc, Đường phát hiện bên phải đường có một chiếc xe máy, nhãn hiệu LUHAO, màu sơn đỏ; Biển kiểm soát KB661 (*xe của ông Hạng Quang Kim*), dựng bên lề đường không có người coi giữ. Các bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp, bị cáo Đ ngồi lại lán bên đường chờ, bị cáo B đứng quan sát người qua lại cảnh giới để bị cáo Đ trực tiếp dùng vạm phá khóa nhưng không mở được, nên dùng tay giật dây mát ở dưới ổ khóa điện đầu nối điện và đạp nổ máy quay lại đón Đ về Việt Nam. Trên đường đi Đường nói với B và Đ “*khi về đến Việt Nam có ai hỏi về chiếc xe thì nói là xe đi làm chủ nhà không có tiền trả thì trả bằng xe máy*”, B và Đ đồng ý. Khi về đến Việt Nam Đ, B, Đ đem chiếc xe máy trộm cắp được bán cho Nguyễn Đình T, do Đường nói với T do chủ nhà các bị cáo đi làm thuê không có tiền trả nên họ trả cho các bị cáo bằng xe máy, nghe vậy T đồng ý mua với giá 2.500.000đ, Đ là người trực tiếp nhận tiền. Số tiền bán xe máy do Đ còn nợ của T 2.000.000đ nên T đưa cho Đường 500.000đ, số tiền này Đ, B, Đ đã cùng nhau tiêu sài hết. Tài sản các bị cáo trộm cắp được xác định có trị giá là: 13.235.210đ.

Căn cứ vào lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của người bị hại, người có quyền lợi liên quan, người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy hành vi của các bị cáo Vương Văn Đ, Long Thanh B đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản, theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự, có khung hình phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm. Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang truy tố các bị cáo về tội danh và điều khoản nêu trên là có căn cứ, đúng người đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người nước ngoài, làm ảnh hưởng tới mối quan hệ đoàn kết của công dân hai nước Việt - Trung, gây mất trật tự an ninh xã hội tại khu vực biên giới. Với tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra ở trên, cũng như để đấu tranh phòng chống loại tội phạm Trộm cắp tài sản hiện nay đang diễn ra hết sức phức tạp trên cả nước nói chung và tỉnh Hà Giang nói riêng. Xét cần phải xử phạt mỗi bị cáo một mức án đủ nghiêm, tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự. Cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, Bị cáo Đ là người khởi xướng bàn bạc rủ rê B và Đ thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, đồng thời bị cáo cũng là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội đến cùng, số tiền bán xe máy do trộm cắp mà có, bị cáo cũng dùng vào việc trừ nợ tiền bị cáo nợ của Tú 2.000.000đ từ trước, còn lại 500.000đ các bị cáo cùng nhau tiêu sài hết, nên bị cáo Đ phải chịu mức hình phạt cao hơn B. Đối với bị cáo **B** khi bị cáo Đ rủ rê lôi kéo, bị

cáo đã đồng tình ủng hộ, tuy bị cáo không trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp, nhưng bị cáo là người thực hiện cảnh giới đứng quan sát người qua lại tạo điều kiện thuận lợi để Đ thực hiện hoàn thành hành vi trộm cắp chiếc xe máy, tài sản trộm cắp được đưa về Việt Nam bị cáo B đã cùng với Đ và Đ đi tìm nơi tiêu thụ tài sản.

[3] Xét về nhân thân: Các bị cáo là công dân đã trưởng thành có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nên các bị cáo phải hiểu biết phần nào về pháp luật, nhận thức được quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, ai xâm phạm sẽ bị xử lý nghiêm minh trước pháp luật, nhưng vì muốn có tiền tiêu sài không qua con đường lao động chân chính, các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác, đặc biệt là các bị cáo đã chiếm đoạt tài sản của người nước ngoài. Theo danh sách của Công an xã T, huyện H có trong hồ sơ (bút lục số 131) thể hiện bị cáo Đ tuy không có tiền án, tiền sự nhưng là đối tượng thanh thiếu niên hư, trong cuộc sống thường xuyên gây rối và sử dụng ma túy.

Bị cáo **Long Thanh B** có 01 tiền án: Ngày 24/6/2015 bị Tòa án nhân dân huyện Hoàng Su Phì tuyên phạt 09 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản, trong thời gian chưa được xóa án tích, ngày 08/02/2017 bị cáo lại tiếp tục phạm tội mới, thuộc trường hợp tái phạm theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Khi phạm tội bị cáo Đ và B bỏ trốn và bị bắt theo Lệnh Truy nã của Công an tỉnh Hà Giang.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử, xét thấy các bị cáo là dân tộc thiểu số, sống ở vùng sâu, vùng xa, nhận thức pháp luật còn hạn chế, trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa thật thà khai báo, ăn năn hối cải, hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản các bị cáo chiếm đoạt đã trả lại người bị hại. Vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng điểm p,h khoản 1 Điều 46 đối với bị cáo **Vương Văn Đ** và điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự đối với bị cáo **Long Thanh B** để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

- Đối với **Lèng Seo Đ** đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử về tội Trộm cắp tài sản, theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự và xử phạt 09 tháng tù nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với **Nguyễn Đình T** là người mua chiếc xe máy do các bị cáo trộm cắp mà có, nhưng khi mua xe T không biết đó là xe trộm cắp mà có, trong quá trình điều tra T đã giao nộp lại chiếc xe cho Cơ quan Công an để trả lại cho người bị hại. Do vậy, cơ quan điều tra Công an tỉnh Hà Giang không yêu cầu xử lý T về hành vi Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là đúng. Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về vật chứng vụ án: Quá trình điều tra đã thu giữ 01 chiếc xe máy nhãn hiệu LUHAO, xác định được là tài sản thuộc sở hữu của ông Hạng Quang K, nơi cư trú: huyện MaLyPho, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc. Cơ quan Điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng và trả lại cho ông Hạng Quang K, HĐXX không xem xét.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại Hạng Quang K và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Đình T, Vương Đức V không có yêu cầu gì về giá trị vật chất đối với các bị cáo. HĐXX không xem xét.

[6] Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật, các bị cáo, người bị hại và

những người tham gia tố tụng khác trong vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Ngoài ra các bị cáo còn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo **Vương Văn Đ**, **Long Thanh B**, phạm tội Trộm cắp tài sản.

2. Hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Vương Văn Đ** 13 (mười ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 26/7/2017)

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Long Thanh B** 13 (mười ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 26/7/2017)

3. Về án phí: Căn cứ Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc các bị cáo **Vương Văn Đ**, **Long Thanh B** mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Báo cho các bị cáo biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Báo cho người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- VKS tỉnh;
- PV27; PC 44; PC45;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- Trại Tạm giam;
- Cục THA dân sự;
- Lưu hồ sơ;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Văn Tiến